

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG CÁT LÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số: 52 /CV – CLL

TPHCM, ngày 19 tháng 7 năm 2019

V/v Công bố thông tin:  
Báo cáo Tài chính quý 2 năm 2019

## CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM,

Tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI.

Trụ sở chính: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, TPHCM.

Điện thoại: 08.3742.3502 – Fax: 08.3742.3500.

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Chí Đăng

Địa chỉ: 1295B Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, TPHCM.

Điện thoại: 028.3740.488 – Fax: 028.3704.2487.

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo Tài chính riêng quý 2 năm 2019 (Công ty mẹ).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TK HĐQT, Th03.



GIÁM ĐỐC

Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ 2 NĂM 2019**  
(CÔNG TY MẸ)

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 7 NĂM 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

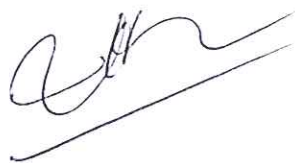
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A – TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>227,683,422,475</b>	<b>270,334,123,564</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>76,155,825,312</b>	<b>233,505,125,671</b>
1. Tiền	111	V.01	7,155,825,312	5,505,125,671
2. Các khoản tương đương tiền			69,000,000,000	228,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	<b>90,000,000,000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		90,000,000,000	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>61,129,076,974</b>	<b>31,041,505,179</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	59,870,836,999	27,151,228,359
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	174,040,923	368,949,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1,765,670,212	4,202,798,980
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(681,471,160)	(681,471,160)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>398,520,189</b>	<b>5,787,492,714</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	208,667,237	5,787,492,714
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		189,852,952	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.07		
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>373,737,325,677</b>	<b>351,587,456,253</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>41,222,978,348</b>	<b>41,222,978,348</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		41,086,655,348	41,086,655,348
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		136,323,000	136,323,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>250,223,047,329</b>	<b>267,184,925,905</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	188,457,159,186	204,606,713,722
- Nguyên giá	222		486,770,260,736	486,770,260,736
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(298,313,101,550)	(282,163,547,014)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	61,765,888,143	62,578,212,183
- Nguyên giá	228		79,512,404,441	79,512,404,441
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(17,746,516,298)	(16,934,192,258)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>21,920,000,000</b>	<b>21,920,000,000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		21,920,000,000	21,920,000,000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>60,371,300,000</b>	<b>21,258,600,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		19,000,000,000	19,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		39,112,700,000	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	2,258,600,000	2,258,600,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>952,000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12		952,000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>601,420,748,152</b>	<b>621,921,579,817</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>25,884,524,997</b>	<b>20,395,064,470</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>25,884,524,997</b>	<b>20,395,064,470</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1,868,226,085	2,080,093,903
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10,240,979,502	4,889,859,384
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3,492,553,709	4,073,001,897
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16		-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	5,948,636,704	3,367,300,289
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4,334,128,997	5,984,808,997
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19		-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20		-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>575,536,223,155</b>	<b>601,526,515,347</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.21	<b>575,536,223,155</b>	<b>601,526,515,347</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		340,000,000,000	340,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		340,000,000,000	340,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60,123,448,000	60,123,448,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		101,852,596,289	101,852,596,289
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73,560,178,866	99,550,471,058
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24,364,749,044	31,396,001,788
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		49,195,429,822	68,154,469,270
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>601,420,748,152</b>	<b>621,921,579,817</b>

Người lập biểu



Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng



Lê Thanh Sơn

Tp. HCM, ngày 18 tháng 07 năm 2019



Lê Chí Đăng




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/04/2019 đến 30/06/2019

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Luỹ kế	
			Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>I</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	49,191,313,568	49,128,607,449	97,473,554,050	97,578,898,735
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		49,191,313,568	49,128,607,449	97,473,554,050	97,578,898,735
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	16,220,668,761	18,787,062,906	34,556,900,264	37,658,078,024
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		32,970,644,807	30,341,544,543	62,916,653,786	59,920,820,711
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2,228,227,236	1,708,434,735	5,072,954,821	3,623,807,741
7. Chi phí tài chính	22	VI.28				
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24		63,636,364	163,636,364	63,636,364	163,636,364
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,811,745,839	3,433,753,594	6,566,242,890	6,520,875,979
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		31,323,489,840	28,452,589,320	61,359,729,353	56,860,116,109
11. Thu nhập khác	31				204,863,163	-
12. Chi phí khác	32			814,313	1,044,191	814,313
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	(814,313)	203,818,972	(814,313)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		31,323,489,840	28,451,775,007	61,563,548,325	56,859,301,796
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	6,297,397,968	5,599,617,864	12,368,118,503	11,299,423,222
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		25,026,091,872	22,852,157,143	49,195,429,822	45,559,878,574
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Người lập biểu

  
Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

  
Lê Thành Sơn

Tp. HCM, ngày 18 tháng 07 năm 2019

Giám đốc

  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI  
QUẬN 2 TP. HCM

Lê Chí Đăng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý 2/2019

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến ngày 30/06	
			Năm 2019	Năm 2018
A	B	C	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		61,563,548,325	56,859,301,796
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		16,961,878,576	17,111,958,840
- Các khoản dự phòng	3			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(2,927,684,934)	(3,618,945,968)
- Chi phí lãi vay	6			
- Các khoản điều chỉnh khác	7			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		75,597,741,967	70,352,314,668
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(33,391,536,771)	(37,912,934,986)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7,140,140,527	(7,193,086,360)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5,579,777,477	6,799,286,691
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7,067,115,934)	(6,340,174,634)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		365,436,063	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12,436,355,539)	(3,495,398,282)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>35,788,087,790</b>	<b>22,210,007,097</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(90,000,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			95,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(39,112,700,000)	(12,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2,320,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5,195,353,589	5,766,357,078
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(121,597,346,411)</b>	<b>88,766,357,078</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				



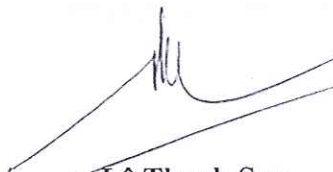
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến ngày 30/06	
			Năm 2019	Năm 2018
A	B	C	3	4
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(71,540,041,738)	(67,658,595,200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(71,540,041,738)	(67,658,595,200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50		(157,349,300,359)	43,317,768,975
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		233,505,125,671	88,053,184,238
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31	76,155,825,312	131,370,953,213

Người lập biểu



Võ Thái Hậu

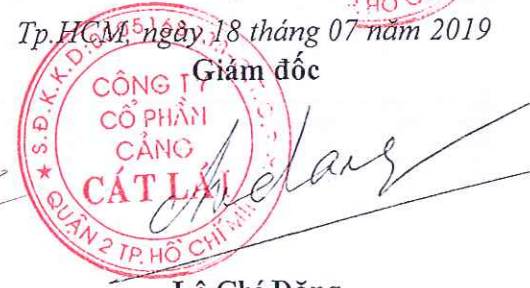
Kế toán trưởng



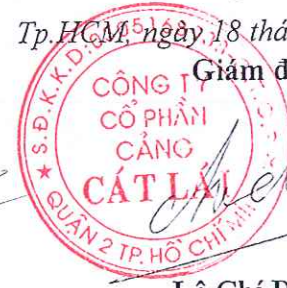
Lê Thanh Sơn

Tp. HCM, ngày 18 tháng 07 năm 2019

Giám đốc



Lê Chí Đăng





## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

---

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 2/2019

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Công ty

###### *Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào một công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại 938/180 Đường Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ nay.

##### 7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có 37 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 38 nhân viên).

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thay thế đệm và cầu tàu, chi phí thuê cầu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Chi phí bảo hiểm*

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

#### *Chi phí thuê cầu*

Tiền thuê cầu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	3 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

(\*) Phương tiện vận tải có thời gian khấu hao 3 năm là các tài sản mua cũ được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

---

### **7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### **8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2** (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng** (tiếp theo)

---

### **9. Vốn chủ sở hữu**

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **10. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

---

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **12. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **13. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **16. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.961.088	58.411.036
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.152.864.224	5.446.714.635
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	69.000.000.000	228.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>76.155.825.312</b>	<b>233.505.125.671</b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số dư đầu năm là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng	90.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>90.000.000.000</b>	

##### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	19.000.000.000		19.000.000.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái <sup>(i)</sup>	19.000.000.000		19.000.000.000	
Đầu tư vào công ty liên kết	39.112.700.000			
Công ty CP Tân Cảng Quế Võ <sup>(ii)</sup>	39.112.700.000			
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.258.600.000		2.258.600.000	
Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup>	2.258.600.000		2.258.600.000	
<b>Cộng</b>	<b>60.371.300.000</b>		<b>21.258.600.000</b>	

<sup>(i)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313341745 thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái 19.000.000.000 VND, tương đương 54,29% vốn điều lệ.

<sup>(ii)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2301021818 thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ 78.225.400.000 VND, tương đương 20,0% vốn điều lệ.

<sup>(iii)</sup> Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

*Giao dịch với công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Góp vốn		12.000.000.000
Nhận cổ tức được chia		
Nhận chiết khấu thanh toán		
Doanh thu dịch vụ tư vấn đã cung cấp	30.000.000	

### 3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

#### 3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>57.297.519.670</i>	<i>25.892.306.293</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	39.276.193.470	7.881.980.093
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	18.021.326.200	18.010.326.200
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>2.573.317.329</i>	<i>1.258.922.066</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>59.870.836.999</u></b>	<b><u>27.151.228.359</u></b>

#### 3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>41.086.655.348</i>	<i>41.086.655.348</i>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	41.086.655.348	41.086.655.348

Theo Hợp đồng 3112.01/HĐ-CLL và Hợp đồng 3112.02/HĐ-CLL ngày 31/12/2017, Công ty bán tài sản cho Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái với tổng số tiền là 55.358.319.188 VND. Số tiền phải thanh toán trong năm 2018 là 4.000.000.000 VND, số còn lại thanh toán đều hàng năm, từ năm 2019 đến năm 2023, với tổng số tiền là 51.358.319.188 VND với lãi suất trả chậm là 5% tính trên số dư nợ giảm dần.

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Unico Vina		358.600.000
Công ty TNHH SX TM Sỹ Minh	82.582.500	
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn thiết kế số một	91.458.423	
Trung tâm kinh doanh VNPT Thành phố Hồ Chí Minh		10.349.000
<b>Cộng</b>	<b><u>174.040.923</u></b>	<b><u>368.949.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### 5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	1.765.670.212		4.202.798.980	
Ký cược, ký quỹ				
Tạm ứng	34.000.000		35.000.000	
Long Thành Logistics - thu hồi vốn hợp tác kinh doanh			2.320.000.000	
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – phải thu tiền đặt cọc đã hết hạn hợp đồng	525.250.000		525.250.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	17.558.567		17.558.567	
<b>Cộng</b>	<b>1.765.670.212</b>		<b>4.202.798.980</b>	

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

### 6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị	Trên 3 năm	536.549.860		Trên 3 năm	536.549.860	
Công ty Cổ phần Gỗ Hải Quảng	Từ 2 năm đến 3 năm	49.186.500	14.755.950	Từ 2 năm đến 3 năm	49.186.500	14.755.950
Công ty TNHH Vận tải XNK Trung Thành	Trên 3 năm	44.999.550		Trên 3 năm	44.999.550	
CBF Coffee	Từ 1 năm đến 2 năm	130.982.400	65.491.200	Từ 1 năm đến 2 năm	130.982.400	65.491.200
<b>Cộng</b>		<b>761.718.310</b>	<b>80.247.150</b>		<b>761.718.310</b>	<b>80.247.150</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	681.471.160	445.177.702
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối năm</b>	<b>681.471.160</b>	<b>445.177.702</b>

### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### 7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ		
Chi phí bảo hiểm phươg tiện	208.667.237	87.492.714
Chi phí kiểm định cầu tàu		
Chi phí thuê cầu RTG		5.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>208.667.237</u></b>	<b><u>5.787.492.714</u></b>

### 7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thay thế đệm va cầu tàu		
Các chi phí trả trước dài hạn khác		952.000
<b>Cộng</b>		<b><u>952.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá	167.039.578.765	318.808.281.426	867.000.000	55.400.545	486.770.260.736
Số đầu năm					
Mua trong kỳ					
Phân loại lại tài sản cố định					
Thanh lý, nhượng bán					
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>167.039.578.765</b>	<b>318.808.281.426</b>	<b>867.000.000</b>	<b>55.400.545</b>	<b>486.770.260.736</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	39.792.306.735	6.953.812.021	867.000.000	55.400.545	47.668.519.301
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	87.081.144.778	194.160.001.691	867.000.000	55.400.545	282.163.547.014
Khấu hao trong kỳ	2.583.865.312	13.565.689.224			16.149.554.536
Phân loại lại tài sản cố định					
Thanh lý, nhượng bán					
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>89.665.010.090</b>	<b>207.725.690.915</b>	<b>867.000.000</b>	<b>55.400.545</b>	<b>298.313.101.550</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	79.958.433.987	124.648.279.735			305.904.524.068
Số cuối kỳ	77.374.568.675	111.082.590.511			188.457.159.186
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	79.232.404.441	280.000.000	79.512.404.441
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>79.232.404.441</b>	<b>280.000.000</b>	<b>79.512.404.441</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	16.770.858.929	163.333.329	16.934.192.258
Khấu hao trong kỳ	792.324.042	19.999.998	812.324.040
Giảm trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>17.563.182.971</b>	<b>183.333.327</b>	<b>17.746.516.298</b>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	62.461.545.512	116.666.671	62.578.212.183
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>61.669.221.470</b>	<b>96.666.673</b>	<b>61.765.888.143</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	21.920.000.000			21.920.000.000

Trong năm, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đinh Toàn Mỹ và bà Lê Thị Khánh Vân, theo đó Công ty sẽ nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 789, tờ bản đồ số 19, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, giá trị của thửa đất là 21.920.000.000 VND.

### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>281.270.935</b>	<b>1.239.199.068</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	34.311.600	32.493.224
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	246.959.335	1.206.705.844
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>1.586.955.150</b>	<b>840.894.835</b>
Công ty CP Giải pháp thanh toán điện lực	319.012.920	
Các nhà cung cấp khác	1.267.942.230	840.894.835
<b>Cộng</b>	<b>1.868.226.085</b>	<b>2.080.093.903</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.774.343.910	8.707.552.234	(8.585.918.434)	3.895.977.710
Thuế thu nhập doanh nghiệp	996.395.399	12.368.118.503	(7.067.115.934)	6.297.397.968
Thuế thu nhập cá nhân	119.120.075	359.269.773	(430.786.024)	47.603.824
Thuế nhà đất		257.661.838	(447.514.790)	(189.852.952)
Các loại thuế khác		3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.889.859.384</b>	<b>21.695.602.348</b>	<b>(16.534.335.182)</b>	<b>10.051.126.550</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ vận chuyển quốc tế là 0%, dịch vụ trong nước là 10%.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	61.563.548.325	56.859.301.796
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	277.044.191	197.814.313
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	276.000.000	197.000.000
Chi phí không hợp lệ	1.044.191	814.313
Thu nhập chịu thuế	61.840.592.516	57.057.116.109
Thu nhập được miễn thuế		(560.000.000)
Thu nhập tính thuế	61.840.592.516	56.497.116.109
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>12.368.118.503</b>	<b>11.299.423.222</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### 13. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

#### 13a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>3.052.440</i>	<i>1.583.907</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền thu chi hộ	3.052.440	1.583.907
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.945.584.264</i>	<i>3.365.624.658</i>
Kinh phí công đoàn	42.468.971	
Bảo hiểm xã hội	62.950.107	2.225.105
Bảo hiểm y tế	11.137.875	417.201
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	375.750.000	589.750.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.148.013.617	1.910.609.275
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	305.263.694	862.623.077
<b>Cộng</b>	<b>5.948.636.704</b>	<b>3.367.208.565</b>

#### 13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### 14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.766.573.006		1.024.500.000	1.742.073.006
Quỹ phúc lợi	3.213.376.110		626.180.000	2.587.196.110
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.859.881			4.859.881
<b>Cộng</b>	<b>5.984.808.997</b>		<b>1.650.680.000</b>	<b>4.334.128.997</b>

### 15. Vốn chủ sở hữu

#### 15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	340.000.000.000	60.123.448.000	88.911.874.275	101.066.350.070	590.101.672.345
Lợi nhuận năm trước				86.271.480.090	86.271.480.090
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước			12.940.722.014	(17.254.296.019)	(4.313.574.005)
Trích quỹ hoạt động Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2017				(1.670.348.282)	(1.670.348.282)
Trích quỹ hoạt động Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2018				(862.714.801)	(862.714.801)
Chia cổ tức trong năm trước				(68.000.000.000)	(68.000.000.000)
Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>340.000.000.000</b>	<b>60.123.448.000</b>	<b>101.852.596.289</b>	<b>99.550.471.058</b>	<b>601.526.515.347</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁI LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
trước					
Số dư đầu năm nay	340.000.000.000	60.123.448.000	101.852.596.289	99.550.471.058	601.526.515.347
Lợi nhuận kỳ này				49.195.429.822	49.195.429.822
Trích quỹ thưởng ban QLĐH từ lợi nhuận năm trước				(385.722.014)	(385.722.014)
Trích quỹ hoạt động Ban điều hành từ lợi nhuận kỳ này					
Trích quỹ hoạt động Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước					
Chia cổ tức trong kỳ				(74.800.000.000)	(74.800.000.000)
Số dư cuối năm nay	<u>340.000.000.000</u>	<u>60.123.448.000</u>	<u>101.852.596.289</u>	<u>73.560.178.866</u>	<u>575.536.223.155</u>

### 15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	87.161.700.000	87.161.700.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	74.987.500.000	74.987.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.123.448.000	60.123.448.000
Cộng	<u>400.123.448.000</u>	<u>400.123.448.000</u>

### 15c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.000.000	34.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	71.750.000.000	70.625.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	15.390.000.000	16.200.000.000
Doanh thu dịch vụ khác	10.333.554.050	10.753.898.735
<b>Cộng</b>	<b><u>97.473.554.050</u></b>	<b><u>97.578.898.735</u></b>

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	34.556.900.264	37.658.078.024

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.072.954.821	3.063.807.741
Cổ tức, lợi nhuận được chia		560.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		
Chiết khấu thanh toán		
<b>Cộng</b>		<b><u>3.623.807.741</u></b>

#### 4. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí hội nghị khách hàng	63.636.364	163.636.364
<b>Cộng</b>	<b><u>63.636.364</u></b>	<b><u>163.636.364</u></b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.487.643.300	4.396.401.704
Chi phí vật liệu quản lý	30.418.362	28.758.228
Chi phí đồ dùng văn phòng	61.040.455	136.799.245
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.999.998	126.699.996
Thuế, phí và lệ phí	71.948.890	5.300.300
Dự phòng phải thu khó đòi		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	969.967.599	896.467.014
Các chi phí khác	925.224.286	930.449.492
<b>Cộng</b>	<b><u>6.566.242.890</u></b>	<b><u>6.520.875.979</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 (báo cáo riêng)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

### 6. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
Tiền bồi thường	204.863.163	
Thu nhập khác		
<b>Cộng</b>	<b>204.863.163</b>	

### 7. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		
Chi phí khác	1.044.191	814.313
<b>Cộng</b>	<b>1.044.191</b>	<b>814.313</b>

### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

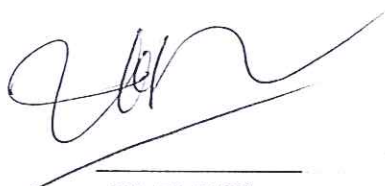
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân công	2.801.772.094	2.827.252.259
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.941.878.578	16.985.258.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.280.991.270	13.398.436.112
Chi phí khác	4.532.258.322	4.447.130.809
<b>Cộng</b>	<b>34.556.900.264</b>	<b>37.658.078.024</b>

Lập, ngày 18 tháng 7 năm 2019

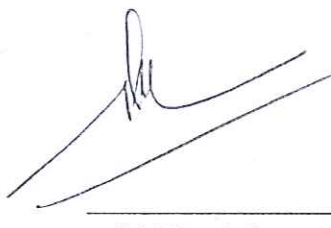
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Thái Hậu



Lê Thanh Sơn



Lê Chí Đăng